MỐI QUAN HỆ MẬT THIẾT GIỮA PHÁT TRIỂN KINH TẾ-XÃ HỘI VÙNG DÂN TỘC MIỀN NÚI VỚI BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

MA TRUNG TỶ

Vụ Hợp tác Quốc tế, Ủy ban Dân tộc
Thành viên Mạng lưới SURDM

VỊ TRÍ VÀ ĐẶC TRƯNG CỦA VÙNG DÂN TỘC MIỀN NÚI TRONG SỰ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Ba phần tư lãnh thổ Việt Nam là đồi núi, tuyệt đại bộ phận các dân lộc thiểu số sống tập trung tại đây với trên 13 triệu trong tổng số trên 24 triệu người của miền núi. Vùng dân tộc miền núi là những vùng chứa địa danh thiên nhiên nên bất kể hình dạng ra sao, ở vị trí hoặc tầm cỡ như thế nào, thì nó vẫn có nhiều giá trị tinh thần, có ý nghĩa sống còn đối với hàng triệu người.

Đặc trưng cơ bản của các dân tộc thiểu số và môi trường ở miền núi là ở độ cao so với mặt biển, có độ dốc lớn, tính không ổn định, tính sinh thái phức tạp tạo ra nhiều nguy cơ tự nhiên, vùng liều khí hậu, tính đa dạng sinh học và tính bất khả xâm phạm. Những nét đặc thù chung trên đây về vật chất và môi trường đã khiến cho người dân ở đây bị đặt vào một tình thế bấp bênh về văn hóa, kinh tế-xã hội.

Sườn dốc và độ cao của đồi, núi tạo ra nhiều dạng khí hậu khác nhau, bao gồm nhiệt độ, bức xạ, gió và độ ẩm. Vùng Sa Pa quanh năm nhiệt độ mát mẻ, vùng Đà Lạt quanh năm khí hậu cận ôn đới... Với những đặc trưng khí hậu lớn của miền núi, biên độ thay đổi ngày đêm theo mùa. Khí hậu trở thành nhân tố chủ chốt trong việc phân bố phức tạp và đa dạng về đất đai và sự thích nghi của sinh vật và con người với môi trường. Người dân miền núi phải có một phương thức sản xuất, có những thứ hạt giống, cây con khác hẳn với vùng chỉ cách đó 50 m độ cao hoặc khác hướng mặt trời.

Chức năng của miền núi giống như một máng nước của quốc gia thu giữ nước mưa nhất. Núi chặn dòng luân chuyển của không khí bắt bay lên cao và ngưng tụ lại thành mây, sinh ra mưa. Ví dụ, dải Trường Sơn ở Bắc Trung Bộ là một điển hình, nó ngăn chặn dòng luân chuyển gió mùa Tây Nam từ vịnh Ben Gan tạo ra mưa ở sườn Tây và khô hạn ở sườn Đông về mùa hè (khoảng tháng tư đến tháng bảy hàng năm). Mặt khác phần lớn các sông

suối đều bắt nguồn từ miền núi cao, bao trùm dọc hai bên các dòng sông và lưu vực là rừng và thảm thực vật, đó là nền tảng của hệ canh tác nông nghiệp cả miền núi lẫn đồng bằng.

Một đặc trưng nổi bật nữa của miền núi là tính mong manh dễ bị tổn thương, chủ yếu là do vị trí tầm cao. Không giống môi trường nơi đất thấp có năng suất cao hơn, các hệ sinh thái miền núi đặc biệt kém khả năng tự hồi phục mỗi khi bị đảo lộn, ví dụ bị xói mòn nặng hoặc mất thảm thực vật. Tầng đất màu không những rất mỏng và dễ bị rửa trôi do sự xói mòn thúc đẩy. Thực tế cho thấy nếu tốc độ dòng chảy của nước tăng gấp đôi sẽ tăng khả năng chuyên chở một vật thể lớn gấp 8 đến 16 lần, nên sức mạnh xói mòn của một dòng chảy ở miền núi là vô cùng tai hại.

Cuộc sống trên núi cũng rất đa dạng và phức tạp như những tầng đá tạo thành tính đa dạng của cây cỏ dại, tạo thành một ngân hàng gen và có ý nghĩa sống còn đối với sự an toàn của nguồn lương thực tương lai. Bên cạnh tính đa dạng của thiên nhiên, trong đó có cây lương thực và dược liệu, các quần thể thực vật ở miền núi còn là nơi bảo tồn các giống cây mùa màng, đảm bảo đa dạng về gen cũng như sức chống đỡ với sâu bệnh. Những vùng ở miền núi thực sự là những khu bảo tồn và nơi cư trú ngụ của cây cối và động vật.

ĐẶC ĐIỂM TỰ NHIÊN, KINH TẾ-XÃ HỘI VÙNG DÂN TỘC MIỀN NÚI

Đặc điểm tự nhiên

Vùng dân tộc miền núi (bao gồm cả các vùng đồi) trải rộng trên 37 tỉnh trong tổng số 64 tỉnh thành trong cả nước. Có 17 tỉnh được xếp là tỉnh miền núi (12 tỉnh phía Bắc và 5 tỉnh Tây Nguyên), 20 tỉnh có huyện miền núi. Diện tích tự nhiên của các vùng miền núi là 21.548.937 ha, chiếm 65,1% diện tích tự nhiên cả nước, tập trung ở hai vùng miền núi chính là vùng núi phía Bắc, 12 tỉnh, có diện tích 9.352.720 ha, bằng 43,4% diện tích của vùng và bằng 28% của cả nước; Tây Nguyên, có 5.611.923 ha, bằng 26% diện tích vùng miền núi và bằng 16,95% diện tích của cả nước; và các huyện miền núi của các tỉnh là 6.776.653 ha, chiếm 31,45% của cả vùng và bằng 20,45% diện tích của cả nước.

Nhìn tổng quan, đại bộ phận các vùng miền núi của Việt Nam có độ cao tương đối thấp, 70% diện tích có độ cao dưới 500 m, 15% diện tích ở độ cao từ 500 m đến 1.000 m, 14% diện tích nằm ở độ cao từ 1.000 m đến 2.000 m, 10% diện tích ở độ cao trên 2.000 m.

Tuy ở độ cao tương đối thấp, nhưng vùng núi Việt Nam rất hiểm trở, nhất là vùng núi cao phía Bắc, địa hình bị chia cắt bởi các vách núi dựng đứng và hệ thống sông ngòi dày đặc, giao thông đi lại khó khăn. Đất đai không bằng phẳng, có độ dốc cao. Trong 21.548 triệu ha của miền núi có tới 15,08 triệu ha có độ dốc từ 250 trở lên, chiếm tới 70% diện tích,

nên việc canh tác nông nghiệp có nhiều khó khăn.

Nhiệt độ trung bình hàng năm của các vùng miền núi trung bình từ 23-25^{o}, lượng mưa trung bình từ 1.600 mm đến 3.000 mm, là vùng ít chịu ảnh hưởng của gió, bão (vùng núi phía Bắc 0,7 cơn bão/năm, vùng Tây Nguyên 0,3 cơn bão/năm), một số vùng có sương muối và băng giá, vùng cao mùa hè mát, mùa đông rất lạnh, ở vùng thấp mùa hè nóng, mùa đông lạnh.

Đất nông nghiệp của miền núi có khoảng 5 triệu ha bằng 41,6% tổng diện tích đất có khả năng canh tác nông nghiệp của cả nước (cả nước có 12 triệu ha).

Hiện nay, đất nông nghiệp của cả vùng miền núi mới sử dụng được 2.431.148 ha, bằng 11,29% diện tích tự nhiên và bằng 48,64% quỹ đất, đất lâm nghiệp của các vùng miền núi là 8.638.059 ha, bằng 40,09% diện tích tự nhiên của cả vùng, bằng 89,6% diện tích đất lâm nghiệp của cả nước (cả nước có 9.641.142 ha); rừng trồng của vùng miền núi 654.603 ha, bằng 7,58% diện tích đất có rừng của miền núi và bằng 81,88% diện tích rừng trồng của cả nước (cả nước rừng trồng được 799.438 ha rừng).

Rừng và thảm thực vật rừng là chỗ dựa và là nền tảng của hệ canh tác sản xuất nông-lâm nghiệp vùng núi. Nhưng những năm qua đã bị tàn phá nặng nề, hàng năm diện tích rừng bị mất là 100.000 ha, do cháy rừng 10.000 ha, đốt nương làm rẫy 20.000 ha, khai thác bừa bãi chặt lạm quá mức 20.000 ha và khai hoang trồng cây công nghiệp 50.000 ha. Do tình trạng phá rừng, nên độ che phủ của rừng đã giảm từ 43% năm 1943 xuống còn 28,9% năm 1993. Tỷ lệ che phủ rừng được coi là thấp hơn nhiều so với ngưỡng của môi sinh. Rừng mất kéo theo mất nguồn nước, nguồn nước ngầm bị suy giảm, đất bị rửa trôi, xói mòn mạnh, đồi núi trọc ngày càng nhiều (tài liệu của FAO cho biết độ che phủ mặt đất ở các nước phát triển bình quân là 41%, Nhật Bản là 73%, các nước đang phát triển là 29,5% và mức an toàn về sinh thái tối thiểu là 33%).

Đặc điểm kinh tế-xã hội

Vùng núi nước ta là địa bàn cư trú chủ yếu của cộng đồng dân tộc thiểu số, nói đến kinh tế-xã hội vùng núi là nói đến hệ thống kinh tế-xã hội của cộng đồng các dân tộc đã từng sinh sống ở đây.

Dân số miền núi hiện có khoảng 24 triệu người của 54 dân tộc anh em đang sinh sống trong địa bàn, trong đó có khoảng 9 triệu người dân tộc thiểu số, 15 triệu người Kinh.

Nông thôn miền núi có khoảng 4 triệu hộ nông dân sinh sống, bằng 36% tổng số nông dân của cả nước. Cuộc sống của đồng bào dân tộc gắn chặt với rừng và đất rừng, cộng đồng người Kinh thường cư trú chủ yếu ở các thị trấn, thị xã, thị tứ, ven các trục giao thông,

vùng thấp ở các nông lâm trường, đây là những nơi có điều kiện sản xuất kinh doanh thuận lợi hơn.

Do kinh tế còn lạc hậu, sản xuất mang tính tự nhiên, còn du canh, du cư và phát nương làm rẫy. Cơ cấu chủ yếu là nông, lâm; chăn nuôi chưa tách khỏi trồng trọt để đi vào sản xuất hàng hóa, thế mạnh về rừng, cây công nghiệp chưa được phát huy mạnh mẽ. Mặt khác ngành nghề cũng chưa phát triển làm cho kinh tế miền núi đơn điệu, nặng về nông, lâm nghiệp.

Tuy nhiên những năm gần đây kinh tế miền núi đã có những bước tăng trưởng, tạo điều kiện cho phát triển, các mặt sản xuất có tiến bộ. Song do kinh tế miền núi ở điểm xuất phát thấp, mức tăng trưởng tuyệt đối thấp, cho nên GDP bình quân đầu người thấp, thua xa so với GDP bình quân chung của cả nước.

Cơ cấu kinh tế miền núi đang dịch chuyển theo chiều hướng tiến bộ, trong GDP đã bắt đầu tăng dần tỷ trọng công nghiệp, dịch vụ, giảm dần tỷ trọng nông nghiệp, lâm nghiệp. Nhưng đánh giá tổng quát kinh tế miền núi, nông lâm nghiệp vẫn là chủ yếu. Mấy năm qua cũng mới đầu tư phát triển vào lĩnh vực này, đến nay GDP của các tỉnh miền núi nông lâm nghiệp vẫn chiếm 50-70% (cả nước có 26,2%). Công nghiệp miền núi mới chiếm 4,9% giá trị công nghiệp địa phương của cả nước. Kinh tế dịch vụ chậm phát triển..., chuyển dịch cơ cấu kinh tế miền núi còn là cả quá trình lâu dài.

Đời sống của đồng bào dân tộc miền núi còn nhiều khó khăn, thu nhập thấp, lác đác đói giáp hạt diễn ra vài nơi. Tỷ lệ nghèo của miền núi vẫn còn khá cao. Năm 1994, tỷ lệ nghèo đói là 30,4%, trong khi cả nước là 18,7%. Năm 2002, tỷ lệ nghèo của miền núi vẫn còn 27,6% tổng số hộ.

Về mặt văn hóa tinh thần: đời sống văn hóa-xã hội của đồng bào dân tộc miền núi rất thấp. Các hoạt động về văn hóa-xã hội, giải trí tinh thần thiếu thốn, thua xa vùng đồng bằng. Trình độ học vấn phổ thông thấp, hủ tục và tệ nạn xã hội vẫn còn. Tệ nạn xã hội như mê tín dị đoan, nghiện hút vẫn còn. Nhiều hủ tục như ma túy, cưới xin vẫn còn nặng nề.

Về y tế: miền núi còn nhiều khó khăn, sự quan tâm về y tế còn thấp, chưa đáp ứng được yêu cầu của đồng bào, nhiều căn bệnh hiểm nghèo như sốt rét, bướu cổ, đường ruột, viêm não, phong, sởi... vẫn chưa giải quyết được.

Tiềm năng của vùng dân tộc miền núi nước ta

Tài nguyên đất đai

Đây là tiềm năng lớn nhất của vùng miền núi và cũng là thế mạnh để phát triển nền

sản xuất nông, lâm nghiệp hàng hóa. Toàn vùng có khoảng 5 triệu ha đất nông nghiệp, hiện mới khai thác sử dụng được 48,64%; trong đó có gần 2 triệu ha đất đỏ bazan ở Tây Nguyên và Đông Nam Bộ rất thích hợp cho phát triển cây công nghiệp lâu năm. Có gần 8 triệu ha có khả năng sử dụng cho phát triển lâm nghiệp, trong đó có gần 4 triệu ha có thể sản xuất nông lâm kết hợp.

Tài nguyên khí hậu

Vùng dân tộc miền núi có nền khí hậu nhiệt đới, á nhiệt đới và ôn đới với nhiều tiểu vùng khí hậu khác nhau, chạy dọc theo vĩ tuyến từ Bắc vào Nam. Do sự chia cắt về địa hình và độ cao, đã chia vùng miền núi thành nhiều vùng. Lượng mưa hàng năm từ 1500 mm đến 3000 mm rất thích hợp cho sản xuất nông, lâm nghiệp.

Điều kiện khí hậu là lợi thế lớn nhất của miền núi so với các vùng khác của cả nước ta. Khai thác lợi thế đó để phát triển sản xuất nông lâm với cơ cấu sản phẩm được thì sẽ nâng cao được hiệu quả kinh tế của sản phẩm hàng hóa.

Năng lượng

Miền núi có nguồn năng lượng rất lớn. Ngoài năng lượng than, củi, miền núi còn là nơi xuất phát của hệ thống sông suối có khối lượng nước (khoảng 450 tỷ m^3) cung cấp nước tưới cho sản xuất nông nghiệp, nước sinh hoạt cho các khu dân cư, kinh tế, ngoài ra còn mang theo hàng tỷ m^3 phù sa bồi đắp cho đồng bằng ven biển.

Có trữ năng thủy điện rất lớn. Do địa hình và nguồn nước miền núi còn có khả năng phát triển thủy điện nhỏ.

Tài nguyên khoáng sản

Vùng miền núi nước ta còn là địa bàn phân bố phần lớn các mỏ khoáng sản, mỏ than Quảng Ninh và nhiều mỏ than rải rác ở các tỉnh. Ngoài ra còn có sắt, đồng, chì, kẽm, vonfram, vàng, bạc..., để phát triển công nghiệp khai khoáng, cơ khí, luyện kim và chế biến nông sản.

SỰ TÁC ĐỘNG QUA LẠI GIỮA MÔI TRƯỜNG VÀ CỘNG ĐỒNG CÁC DÂN TỘC THIỂU SỐ Ở MIỀN NÚI

Môi trường ở miền núi đang đứng trước sự suy thoái nghiêm trọng. Tuy nhiên, phải thấy rằng ảnh hưởng của môi trường đối với sự phát triển kinh tế-xã hội miền núi là hết sức phức tạp. Có những tác động mà chúng ta có thể nhận thấy được, có thể đo đếm được, song có những tác động không thấy và cũng rất khó định lượng, có những tác động ảnh hưởng ngay, ảnh hưởng trực tiếp đến đời sống kinh tế-xã hội của vùng, song cũng có những tác

động gián tiếp, tác động âm ỉ và lâu dài về sau. Bởi vậy, ở đây chúng tôi chỉ có thể trình bày một số ảnh hưởng có thể thấy được, chừng mực nào đó có thể đo đếm được.

Tác động tích cực

Nền kinh tế nước ta hiện nay mang nặng tính chất của nền kinh tế khai thác tài nguyên. Miền núi với những yếu tố thiên nhiên của nó là cơ sở để hơn 24 triệu dân và bố trí việc làm cho trên 9 triệu lao động của cộng đồng các dân tộc Việt Nam.

Trải qua hàng ngàn năm lịch sử, sự tác động qua lại giữa môi trường và con người đã hình thành một nền kinh tế-xã hội của cộng đồng các dân tộc thiểu số với những đặc điểm riêng, sắc thái riêng thích nghi với điều kiện môi trường để phát triển, hòa nhập với nền kinh tế-xã hội của cả nước trong một quốc gia thống nhất có nhiều dân tộc. Thực hiện các chủ trương chính sách của Đảng và Nhà nước, mấy năm gần đây ở vùng dân tộc miền núi, kinh tế tăng trưởng đạt được mức độ khá, cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng tiến bộ, cơ sở hạ tầng kinh tế-xã hội được tăng cường một bước, điện, đường, trường, trạm, văn hóa, giáo dục, y tế đã tiến bộ hơn trước. Đời sống của cộng đồng các dân tộc ở miền núi đang từng bước được cải thiện, có 30 % dân số có mức sống bằng bình quân cả nước, đã có thể đi cùng nhịp với cả nước bước vào thời kỳ công nghiệp hóa và hiện đại hóa.

Miền núi nước ta chịu ảnh hưởng không nhỏ các yếu tố môi trường của các nước Trung Quốc, Lào, Campuchia cả về địa lý, thủy văn, khí hậu...

Các dãy núi hình thành theo hướng Tây Bắc - Đông Nam và thoải dần từ Tây sang Đông, những con sông lớn phần nhiều bắt nguồn từ các nước bạn chảy về Biển Đông và đã hình thành những lưu vực trên đất nước ta. Sự kiến tạo địa lý đó, môi trường đã tác động đối với phát triển kinh tế-xã hội vùng cộng đồng các dân tộc miền núi theo hai ý nghĩa gắn bó, khăng khít.

Kinh tế-xã hội nước ta là một chỉnh thể thống nhất, trong đó có 1/3 dân số đang sống ở miền núi với 2/3 diện tích tự nhiên... Môi trường tác động làm cho kinh tế-xã hội miền núi phát triển nhanh sẽ góp phần thúc đẩy kinh tế-xã hội cả nước tăng trưởng. Trái lại, khi môi trường tác động làm kinh tế-xã hội lạc hậu sẽ kéo theo nền kinh tế của cả nước phát triển chậm lại.

Miền núi là mái nhà che sinh thái của cả nước, môi trường không chỉ tác động vào vùng đồng bào dân tộc, mà nó còn tác động đến nền kinh tế-xã hội chung của cả nước. Môi trường các tỉnh miền núi vùng cao phía Bắc không chỉ tác động đến cuộc sống của nhân dân vùng này, mà còn tác động đến kinh tế-xã hội của cả vùng đồng bằng Bắc Bộ và bắc Khu 4 với hơn 20 triệu dân.

Các yếu tố môi trường: đất, nước, thời tiết, khí hậu của miền núi những năm gần đây thực sự là một thế mạnh có vai trò quyết định cho vùng dân tộc miền núi phát triển kinh tế-

xã hội, hình thành nền kinh tế hàng hóa

– Cà phê là sản phẩm của vùng đất bazan Tây Nguyên. Trước Cách mạng tháng 8 chỉ có vài ngàn ha, năm 1984 mới chỉ có 20.000 ha nhưng năm 1989 đã tăng lên đến 80.000 ha và đến năm 1995 đạt diện tích tới 137.056 ha (73,3% của cả nước). Kim ngạch xuất khẩu cà phê của Tây Nguyên đạt trên 300 triệu USD.

– Cây cao su mới trồng ở Tây Nguyên từ đầu năm 1 965, do các yếu tố môi trường ở đây đã tạo thuận lợi cho nó trở thành vùng hàng hóa lớn tại khu vực, tăng nhanh cả về diện tích và sản lượng. Tỉnh Đăk Lăk năm 1976 trồng 6.500 ha, đến hết năm 1995 có 20.000 ha. Năm 1995, cả Tây Nguyên đã có 45.995 ha cao su, diện tích cho sản phẩm là 16.317 ha, năng suất mủ khô đạt 7,5 triệu ha, sản lượng 12.520 tấn mủ khô.

– Tính nổi bật ở các tỉnh miền núi phía Bắc trong mấy năm gần đây là diện tích cây ăn quả tăng nhanh, đạt đến 30%/năm, đến nay toàn vùng đã có trên 35 ngàn ha.

Như vậy, chính yếu tố môi trường đất nào cây ấy đã cho phép chúng ta phát triển kinh tế hàng hóa. Hiệu quả tổng thể của nền kinh tế quốc dân tăng rõ rệt, những hiệu quả tổng hợp của ruộng miền núi còn hạn chế vì phần lớn sản phẩm ra khỏi miền núi còn ở dạng thô.

Môi trường, điều kiện tự nhiên miền núi đã cung cấp phần lớn các sản phẩm, nguyên liệu cho các ngành công nghiệp của vùng dân tộc miền núi và cho cả nước. Công nghiệp chế biến nông lâm sản, vật liệu xây dựng, khoáng sản, luyện kim, công nghiệp giày, ngành dệt, thủ công mỹ nghệ... Trên cơ sở đó mà bố trí lao động, tạo việc làm và sắp xếp dân cư.

Nguồn nước của miền núi đã tạo nên điều kiện thuận lợi cho xây dựng các công trình thủy điện, cung cấp 75% nguồn điện cả nước. Đó là sản phẩm của nhiều yếu tố môi trường "đất, núi, rừng, khí hậu, nước".

Miền núi là nơi sinh tụ của các dân tộc thiểu số, mỗi dân tộc có lối sống tập quán thích nghi với môi trường. Trong những điều kiện cụ thể của môi trường của từng vùng dân tộc đã sản sinh ra nền văn hóa phong phú, đa dạng, đậm đà bản sắc dân tộc.

Núi rừng hiểm trở của vùng đồng bào các dân tộc thiểu số trong chiến tranh là những chiến khu mà bắt đầu từ Việt Bắc, sau đó lan ra các căn cứ cách mạng suốt từ Bắc đến Nam trong suốt thời kỳ chống Pháp và chống Mỹ. Ngày nay, vùng dân tộc miền núi giữ vị trí cực kỳ quan trọng trong việc ổn định chính trị và giữ vững an ninh quốc phòng.

Tác động hạn chế

Địa hình miền núi với nền canh tác trên đất dốc rất khó khăn trong việc giải quyết vấn đề thủy lợi, phân bón, giữ được độ phì của đất... Những yếu tố này hạn chế khả năng thâm canh tăng năng suất cây trồng và rất khó giải quyết mối quan hệ giữa sản xuất nông

nghiệp, lâm nghiệp với vấn đề bảo vệ môi trường.

Ở các tỉnh miền núi phía Bắc, Khu Bốn cũ, duyên hải miền Trung, các dãy núi đá, núi đất chia cắt miền núi thành những tiểu vùng có đất đai, khí hậu, thủy văn với những đặc trưng khác nhau, rất khó khăn cho việc hình thành những vùng hàng hóa quy mô lớn. Đó là một trở ngại không nhỏ trên con đường phát triển kinh tế hàng hóa, công nghiệp hóa và hiện đại hóa.

Tỷ suất đầu tư các công trình cơ sở hạ tầng như đường giao thông, điện, thủy lợi quá cao so với các vùng khác. Các yếu tố của môi trường không chỉ tác động vào quá trình xây dựng công trình với khối lượng lớn, giá thành cao mà còn tác động trong cả quá trình quản lý, bồi dưỡng, khai thác công trình với những chi phí cao hơn. Nhiều sự cố do môi trường tạo ra làm hư hỏng và cũng hủy hoại các công trình. Đầu tư vào các công trình hạ tầng ở miền núi dưới tác động của điều kiện môi trường, nếu chỉ xét về kinh tế thuần tuý thì hiệu quả rất kém, mà phải lấy mục tiêu đầu tư để đạt hiệu quả tổng hợp về kinh tế-xã hội, an ninh, quốc phòng và đoàn kết các dân tộc. Có những công trình lớn như thủy điện Hòa Bình đem lại dòng điện cho cả nước, nhưng hàng vạn hộ vùng lòng hồ sông Đà phải sinh sống trong điều kiện môi trường mới không ít khó khăn. Do những tác động của môi trường tới các công trình như vậy, cho nên các cơ sở hạ tầng kinh tế-xã hội vùng dân tộc miền núi còn yếu kém, là trở ngại lớn cho quá trình phát triển kinh tế-xã hội vùng này.

Dưới tác động của môi trường, đồng bào các dân tộc chỉ có thể sinh sống ở những nơi có đất canh tác và có điều kiện sản xuất, có nước sinh hoạt, ít khó khăn về giao thông, do đó dân cư sống ở vùng dân tộc miền núi phân tán là một trở lực cho việc tăng cường cơ sở hạ tầng, phát triển sản xuất, ổn định và cải thiện đời sống.

Do điều kiện môi trường miền núi đi lại khó khăn trở ngại cho việc học hành, nhiều bệnh tật mang tính đặc thù miền núi như sốt rét, bướu cổ...phát sinh, có cả dịch bệnh lan truyền. Môi trường miền núi một số nơi là điều kiện duy trì những thủ tục lạc hậu. Tất cả những tồn tại này dẫn đến vùng dân tộc miền núi thấp kém, một bộ phận nhỏ đồng bào dân tộc thiểu số còn có cuộc sống rất khó khăn, lạc hậu....

Môi trường miền núi thường xảy ra những sự cố không lường trước được như: lũ quét, lũ ống, sạt lở, cháy rừng..., không chỉ tác động đến vùng dân tộc miền núi mà còn tác hại đến địa bàn toàn quốc, gây ra những thiệt hại nghiêm trọng cả người và của. Có những sự cố môi trường phải khắc phục một thời gian dài và tiêu tốn khá nhiều công của.

Miền núi là địa bàn các thế lực thù định luôn luôn tìm cách lợi dụng để tiến hành những âm mưu phá hoại nước ta, reo rắc hoang mang hoài nghi về sự nghiệp cách mạng do Đảng và Nhà nước ta lãnh đạo, gây ra những vấn đề nổi cộm về tôn giáo, dân tộc nhằm chia rẽ sự đoàn kết các dân tộc.

Do những tác động của môi trường không thuận lợi cho quá trình phát triển kinh tế-

xã hội miền núi, cho nên gần đây Thủ tướng Chính phủ có Quyết định 135, 173, 168, 186 và 134 nhằm giải quyết những mắt xích, những khâu quan trọng nhất: Quy hoạch dân cư, sắp xếp sản xuất, tăng cường cơ sở hạ tầng mà khâu đột phá là đường giao thông đi trước một bước để xây dựng tiền đề cho vùng dân tộc và miền núi cùng cả nước đẩy mạnh công nghiệp hóa và hiện đại hóa, các điều kiện, yếu tố môi trường miền núi tác động có ý nghĩa quan trọng đối với phát triển kinh tế-xã hội vùng dân tộc miền núi. Đảng và Nhà nước ta đã có nhiều chủ trương chính sách khuyến khích, vận động đồng bào các dân tộc khai thác có hiệu quả những tác động tích cực của môi trường, và hạn chế những tác động tiêu cực của môi trường đối với quá trình phát triển kinh tế-xã hội vùng dân tộc miền núi. Thực hiện nội dung Nghị quyết Hội nghị lần thứ 7 Ban Chấp hành Trung ương Khóa IX về vấn đề công tác dân tộc, các cấp, các ngành và cộng đồng các dân tộc thiểu số đang tạo ra một phong trào cách mạng đẩy nhanh nhịp độ phát triển kinh tế-xã hội vùng dân tộc miền núi với tốc độ tăng trưởng cao và bền vững, đồng thời thực hiện tốt những biện pháp hữu hiệu để bảo vệ vững chắc môi trường sinh thái ở vùng này.

BÀN LUẬN

Để bảo vệ môi trường vùng dân tộc miền núi, phải sử dụng đồng bộ các giải pháp về chính trị, kinh tế, tổ chức, quản lý...

Bảo vệ đất

Phải đầu tư và phủ xanh lại diện tích đất trồng, đồi núi trọc. Muốn khôi phục lại độ màu mỡ của đất, muốn chống lại xói mòn và rửa trôi đất, vấn đề cấp bách là phải tìm mọi cách phủ xanh đất trống đồi núi trọc ở vùng dân tộc miền núi. Tất nhiên phải có kế hoạch cụ thể cho từng giai đoạn và có sự đầu tư thỏa đáng cho công việc này.

Thực hiện triệt để việc giao đất, giao rừng cho dân quản lý và sử dụng ổn định lâu dài. Cộng đồng các dân tộc ở miền núi không đủ khả năng phủ xanh đất trống, đồi núi trọc. Vì vậy, bên cạnh việc giao đất cho dân, cũng cần khuyến khích các thành phần kinh tế, những người dân ở các vùng khác có vốn muốn nhận đất trống, đồi núi trọc để sản xuất nông, lâm nghiệp.

Tổ chức tốt việc chống xói mòn và rửa trôi cho đất ở miền núi. Đây là công việc thường xuyên và phải được từng người dân sinh sống ở miền núi hiểu và thực hiện. Để làm được điều này, vấn đề trước hết là phải vận động, tổ chức cho cộng đồng các dân tộc ở miền núi bỏ phương thức canh tác lạc hậu; phương thức đốt nương làm rẫy, đồng thời hướng dẫn cộng đồng các dân tộc sản xuất theo kiến thức khoa học kỹ thuật phù hợp với điều kiện dốc.

Tổ chức tập huấn cho cộng đồng các dân tộc làm ruộng trên đất dốc và phương thức

sản xuất nông lâm kết hợp. Nông lâm kết hợp phải được hiểu là: Sản xuất nông nghiệp kết hợp với sản xuất lâm nghiệp trên từng quả núi, quả đồi. Đỉnh đồi là trồng rừng, sườn núi, sườn đồi trồng các cây công nghiệp, cũng có thể tầng trên là cây lâm nghiệp, tầng dưới là cây nông nghiệp... hoặc trồng các cây nông nghiệp thành rừng theo phương pháp lâm nghiệp. Bảo đảm độ che phủ cho đất, chống được sự xói mòn và rửa trôi khi mưa lớn và mưa tập trung.

Tổ chức việc che phủ mặt đất khi mùa mưa đến. Theo tổng kết của nhiều nước trên thế giới, muốn chống được xói mòn trong mùa mưa phải có một thảm thực vật dày khoảng 20 cm che phủ mặt đất. Che phủ mặt đất còn có tác dụng giữ ẩm chống bốc hơi trong mùa khô, đảm bảo cho cây trồng vẫn sinh sống và phát triển bình thường.

Xây dựng các hồ chứa nước ở những nơi có điều kiện. Cần điều tra, khảo sát quy hoạch và có phương án đầu tư xây dựng một số hồ chứa nước ở những nơi cần thiết, nhất là những vùng thiếu nước, thường bị khô hạn trong mùa khô. Các hồ chứa nước sẽ đảm bảo có nước tưới cho các vùng khô hạn, nhờ đó có thể tăng thêm diện tích và năng suất các loại cây trồng.

Các hồ chứa nước sẽ góp phần làm thay đổi điều kiện khí hậu trong vùng, thời tiết sẽ mát mẻ hơn, độ ẩm trong đất và trong không khí sẽ tăng lên. Đây là điều kiện quan trọng giúp cho chất lượng của đất đai ở miền núi từng bước được cải tạo.

Thực hiện việc cải tạo đất bằng các loại phân hữu cơ. Quá trình xói mòn và rửa trôi đã làm cho độ phì của đất ở miền núi bị suy giảm một cách nghiêm trọng. Để từng bước cải tạo chất lượng của đất đai, bên cạnh việc thay đổi phương thức canh tác, tăng cường độ ẩm cho đất, cần khuyến khích cộng đồng các dân tộc sử dụng phân hữu cơ, đặc biệt là phân xanh, phân chuồng để cải tạo đất. Miền núi đất còn rộng, rất có điều kiện trồng các loại cây phân xanh để cải tạo đất, nếu ta tổ chức tốt việc trồng thì hàng năm sẽ thêm được một khối lượng phân xanh lớn. Mặt khác, miền núi lại có điều kiện về phát triển chăn nuôi, nhất là chăn nuôi đại gia súc. Mỗi con trâu, bò một năm có thể cho từ 1-1,5 tấn phân chuồng.

Nếu kết hợp thêm các chất độn (rác, lá cây) thì hàng năm cả miền núi sẽ có một lượng phân chuồng rất lớn phục vụ cho việc cải tạo đất.

Kiểm soát chặt chẽ việc sử dụng các chất hóa học đối với đất. Để đảm bảo môi trường được trong sạch, trên cơ sở sản xuất các loại sản phẩm sạch cung cấp cho nhu cầu con người (tất nhiên cho cả súc vật nữa), trong thời gian tới Nhà nước chúng ta, nhất là các cơ quan có trách nhiệm, cần kiểm soát nghiêm ngặt việc thải các chất độc hóa học của các mỏ, các xí nghiệp công nghiệp vào đất.

Bảo vệ rừng

Đi liền với việc giao đất trống, đồi núi trọc, phải thực hiện triệt để việc giao rừng.

Với quan điểm phát triển kinh tế nhiều thành phần và phát triển nền lâm nghiệp xã hội, chúng ta phải có chính sách bố trí từng loại chủ trương trên từng khu rừng cụ thể. Các loại hình chủ rừng đó là: hộ nông dân, cộng đồng các tổ chức kinh tế tập thể, các doanh nghiệp nhà nước và các tổ chức khác. Phải xác định rõ Nhà nước quản lý loại rừng nào, người dân quản lý loại rừng gì... Quy định rõ quyền lợi, quyền hạn, nghĩa vụ và trách nhiệm của các hộ gia đình được giao quản lý rừng. Phải làm cho các hộ dân tộc thiểu số được giao quản lý rừng thực sự sống bằng nghề rừng. Chỉ có như vậy mới có người bảo vệ rừng thực sự.

Kiên quyết bảo vệ các rừng đầu nguồn, nông phòng hộ và rừng quốc gia, rừng đầu nguồn. Rừng phòng hộ và rừng quốc gia có chức năng đặc biệt trong việc giữ gìn và bảo vệ môi trường của đất nước, vì vậy cần được quản lý hết sức chặt chẽ. Nhà nước cần đầu tư thỏa đáng cho việc phát triển, giữ gìn và bảo vệ các loại rừng.

Nghiên cứu việc khai thác các khu rừng non. Rừng đến tuổi khai thác thì chất lượng gỗ mới tốt, mặt khác độ che phủ đối với mặt đất mới được đảm bảo. Việc khai thác các rừng non vừa ảnh hưởng đến môi trường, vừa gây lãng phí lớn đối với nguồn tài nguyên, bởi vậy cần phải nghiêm cấm một cách triệt để.

Bảo vệ nguồn nước

Nước ngày nay là tài nguyên số một của mọi quốc gia. Theo dự đoán của các nhà khoa học và các nhà chiến lược, trong tương lai không xa, các cuộc xung đột giữa các quốc gia trên thế giới sẽ chủ yếu là những cuộc tranh giành nguồn nước.

Trữ lượng nước tính bình quân đầu người của nước ta chỉ vào loại trung bình của thế giới. Trong một tương lai không xa, với nhịp độ tăng nhanh dân số, và việc đẩy mạnh công nghiệp hóa và hiện đại hóa, một số vùng nước ta, trước hết là vùng Nam Trung Bộ và Đông Nam Bộ sẽ thiếu nước. Chính vì vậy, việc bảo vệ nguồn nước giờ đây là rất quan trọng, nhất là miền núi.

Phải điều tra khảo sát để đánh giá một cách chính xác nguồn nước mặt và nước ngầm của nước ta nói chung và miền núi nói riêng (cả về số lượng và chất lượng). Chỉ trên cơ sở nắm chắc nguồn nước mặt và nước ngầm, chúng ta mới bố trí dân cư, bố trí các hoạt động sản xuất nông, lâm nghiệp, công nghiệp, dịch vụ một cách khoa học được. Tức là bố trí dân cư và các hoạt động sản xuất, kinh doanh dịch vụ để không làm cạn kiệt nguồn nước, gây ô nhiễm đến môi trường, chẳng hạn việc phát triển cây cà phê ồ ạt ở Tây Nguyên đã làm giảm mực nước ngầm của khu vực này mất 25-50 cm so với 10 năm trước đây. Mực nước ngầm giảm sẽ làm nguồn nước cạn kiệt, bên cạnh đó nó cũng sẽ làm cho mặt đất bị lún dần, ảnh hưởng đến nhiều vấn đề khác.

Có giải pháp ngăn chặn việc thải các chất thải, nước bẩn ra các dòng sông, các con suối. Đối với những hầm mỏ, xí nghiệp xây trước đây chưa có hệ thống xử lý nước thải thì

cần quy định rõ thời hạn cho họ phải có loại thiết bị này, nếu đến thời hạn quy định mà vẫn chưa có thì đề nghị ngừng hoạt động. Những dự án mới phải có hệ thống xử lý nước thải, nếu không sẽ không được phê duyệt.

Ở các thị trấn, thị tứ và khu dân cư cần phải tiến hành xây dựng các công trình xử lý nước thải, nước sinh hoạt trước khi đổ ra sông. Thường xuyên kiểm tra chất lượng nước các dòng sông suối để phát hiện sự ô nhiễm và có giải pháp hợp lý để xử lý.

Bảo vệ nguồn tài nguyên khoáng sản

Khoáng sản nước ta khá phong phú, nhưng đa phần có trữ lượng không lớn. Mặc dù vậy, chúng là nguồn tài nguyên quý giá của đất nước, có tác dụng rất lớn đối với sự phát triển kinh tế-xã hội của nước ta trong thời kỳ công nghiệp hóa và hiện đại hóa. Nhà nước cần phải tổ chức lại việc khai thác mỏ, bên cạnh việc tăng cường các trang thiết bị khai thác, bảo hộ lao động cần chú ý thỏa đáng việc trang bị các thiết bị xử lý chất thải, bảo vệ môi trường. Mặt khác cũng cần chú ý tính toán cụ thể đến việc phục hồi đất đai, môi trường của các khu mỏ đã hoàn thành khai thác.

Bảo vệ nguồn gen động, thực vật

Nguồn gen động, thực vật của miền núi nước ta rất phong phú, đa dạng nhưng do việc chặt phá rừng quá mức, việc săn bắn tùy tiện nên cho đến nay nhiều loại động, thực vật quý hiếm đã biến mất, nhiều loài đứng trước nguy cơ bị diệt chủng trong thời gian tới.

Vì vậy việc bảo vệ các nguồn gen động, thực vật giờ đây là nhiệm vụ hết sức cấp bách của mọi công dân. Phải tiến hành xử lý việc buôn bán các loại động vật hoang dã. Đình chỉ hoạt động các nhà hàng đặc sản tiêu thụ các loại động vật quý hiếm trong khuôn khổ pháp luật.

Tổ chức sắp xếp lại dân cư

Dân cư miền núi hiện sinh sống quá phân tán, gây trở ngại rất lớn cho sản xuất và kinh doanh cũng như việc nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho họ. Thủ tướng Chính phủ đã có Chỉ thị 393 và gần đây nhất là Quyết định số 134/QĐ-TTG để giải quyết vấn đề này.

Việc sắp xếp lại dân cư là việc làm khó khăn, phức tạp và khá tốn kém. Vì vậy Nhà nước cần dành một phần đầu tư thỏa đáng cho công việc này. Khi nhân dân các dân tộc thiểu số sống tập trung, họ có điều kiện mở mang các hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, đời sống của họ sẽ được cải thiện, thì chắc chắn lúc đó sẽ hạn chế được việc phá rừng làm rẫy gây ra các hậu quả môi trường.

Xây dựng hệ thống bảo vệ môi trường ở các tỉnh miền núi

Nhà nước cần nhanh chóng xây dựng hệ thống mạng lưới bảo vệ môi trường ở các tình miền núi, tạo điều kiện cho việc điều tra, nghiên cứu, dự báo về môi trường ngày càng chính xác hơn. Bộ Tài nguyên và Môi trường giúp các tỉnh xây dựng các cơ quan, tổ chức theo dõi, nghiên cứu về môi trường, đủ sức để giải quyết những vấn đề về quản lý và bảo vệ môi trường của địa phương như đào tạo cán bộ, về trang thiết bị phục vụ công tác nghiên cứu, theo dõi, dự báo, xúc tiến càng nhanh, càng hiện đại càng tốt.

Giáo dục ý thức bảo vệ môi trường cho người dân miền núi

Tăng cường công tác tuyên truyền giáo dục về môi trường cho cộng đồng các dân tộc ở miền núi, làm cho họ hiểu rằng bảo vệ môi trường tức là bảo vệ lợi ích thiết thực cho cuộc sống của chính họ. Kết hợp Luật Bảo vệ Môi trường của Nhà nước với luật tục bảo vệ môi trường của cộng đồng các dân tộc thiểu số để nâng cao hiệu quả bảo vệ môi trường.

Tăng hơn nữa liều lượng về giáo dục môi trường trên các phương tiện thông tin đại chúng cũng như phim ảnh, sách báo về bảo vệ môi trường.

Các cấp các ngành, các đoàn thể quần chúng cần tổ chức các hoạt động tuyên truyền giáo dục về môi trường cho cán bộ, đoàn viên của mình cũng như quần chúng nhân dân thuộc phạm vi mình phụ trách.

Quản lý tài nguyên thiên nhiên và môi trường nhằm phát triển kinh tế-xã hội vùng dân tộc miền núi vừa là yêu cầu cấp thiết, vừa là lâu dài để xóa đói giảm nghèo cho cộng đồng các dân tộc thiểu số và bảo vệ môi trường ở nước ta. Nhiệm vụ quản lý tài nguyên thiên nhiên và môi trường cần được xã hội hóa, được mọi người tham gia thực hiện, nhà nước cần sớm ban hành những cơ chế chính sách cụ thể, thiết thực nhằm đảm bảo lợi ích hài hòa của cộng đồng dân tộc thiểu số và của quốc gia.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Tô Lan, 1993. Về đất đai trong làng truyền thống người Việt. NXB Thế Giới.
2. Trung tâm Khoa học Xã hội và Nhân văn Quốc gia, 2000. Luật tục và phát triển nông thôn hiện nay ở Việt Nam. Viện Nghiên cứu Văn hóa Dân gian. NXB Chính trị Quốc gia.

THE CLOSE RELATIONSHIP BETWEEN SOCIO-ECONOMIC DEVELOPMENT IN THE MOUNTAINOUS AREAS AND ENVIRONMENTAL PROTECTION

MA TRUNG TY

Department of International Relations, CEMA
SURDM Network member

This paper explores the interrelationship between the environment and the ethnic minority groups. It reveals that most of products and industrial materials for either mountainous area or the whole country are provided by the natural mountainous resources. However, living in this environment ethnic minority groups have to cope with several difficulties. To protect the mountainous environment, the paper proposes several suggestions. It is recommended that we should invest in reforestation of the barren hills. The forest and forestland allocation to the local people should be thoroughly implemented for their stability. The harvest of young forest should be abandoned since it causes negative impacts on the environment. The research results show that it needs to protect watershed area. Besides it should have solutions to prevent the discharge of waste water to rivers and streams, water reservoirs should be built in order to improve the cultivated area as well as crop productivity. The paper indicates that the soil of this area could be improved by using the organics and the chemical fertilizer should be controlled closely. Above all, the environmental awareness raising activities need to be implemented among the ethnic communities.